



Ký bởi: Tỉnh ủy Thái
Nguyên
Email:
tinhuythainguyen@thaing
uyen.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh ủy Thái
Nguyên
Ngày ký: 16-09-2025
17:00:09 +07:00

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN

*

Số 89-BC/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 9 năm 2025

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
NHIỆM KỲ 2020 - 2025 TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN
LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

**Tăng cường xây dựng đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh,
toàn diện; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát huy truyền thống đoàn kết,
đột phá phát triển nhanh, bền vững; nâng cao toàn diện đời sống
của Nhân dân, xây dựng tỉnh Thái Nguyên trở thành trung tâm
công nghiệp hiện đại, có thu nhập trung bình cao trước năm 2030**

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2025 - 2030 diễn ra trong bối cảnh đất nước sau 40 năm đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện, có ý nghĩa lịch sử; cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế được nâng lên một tầm cao mới. Công cuộc sắp xếp, tổ chức bộ máy, mô hình chính quyền địa phương hai cấp được thực hiện tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn được thúc đẩy mạnh mẽ; niềm tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước được củng cố vững chắc.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15, ngày 12/6/2025 của Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Quyết định số 308-QĐ/TW, ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị về thành lập Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên; theo đó, từ ngày 01/7/2025, tỉnh Thái Nguyên được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn; tỉnh có 92 đơn vị hành chính cấp xã, tổng diện tích tự nhiên 8.375,21 km², dân số gần 1,8 triệu người; tính đến ngày 01/9/2025, Đảng bộ tỉnh có 140.009 đảng viên. Việc hợp nhất hai tỉnh mang tính lịch sử, mở ra không gian phát triển mới, quy mô rộng lớn và điều kiện phát triển mạnh mẽ hơn.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 được tiến hành với phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển” và là dấu mốc đặc biệt quan trọng trong quá trình xây dựng, phát triển tỉnh Thái Nguyên trong kỷ nguyên mới.

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH, NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực có những diễn biến phức tạp; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, kinh tế thế

giới tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất ổn. Trong nước, thuận lợi, khó khăn thách thức đan xen do ảnh hưởng của dịch Covid-19, biến đổi khí hậu và những vấn đề khó dự báo, tác động nhiều mặt đến phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh đó, với ý chí, quyết tâm cao của toàn Đảng bộ, sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung của các cấp ủy Đảng, sự điều hành năng động, linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt của chính quyền, sự nỗ lực, cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu, các định hướng lớn, các chương trình trọng tâm tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện với nhiều điểm sáng nổi bật (*chi tiết kết quả các chỉ tiêu chủ yếu tại Phụ lục gửi kèm*).

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Kết quả công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1.1. Công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh, thực hiện đồng bộ, toàn diện, hài hòa giữa các lĩnh vực, bảo đảm trong sạch, vững mạnh

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, tập thể Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ hai tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn và tập thể cấp ủy tỉnh Thái Nguyên (sau hợp nhất) luôn đoàn kết, nỗ lực cao, tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc tập trung dân chủ, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng có sự chuyển biến rõ nét; chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên từng bước được nâng lên góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị địa phương.

Phương thức lãnh đạo của cấp ủy tiếp tục được đổi mới, sát thực tiễn, đúng nguyên tắc của Đảng, phát huy vai trò tập thể và trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Nhiều nghị quyết chuyên đề, chương trình, đề án, chỉ thị được ban hành phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và điều kiện thực tế đã mang lại hiệu quả tích cực trong lãnh đạo, chỉ đạo và các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Công tác tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, có chất lượng, hình thức phong phú, đa dạng; hai tỉnh đã tổ chức kết nối trực tuyến các hội nghị của Trung ương đến các điểm cầu cấp tỉnh và 100% cấp xã; đồng thời ban hành các kế hoạch, chương trình hành động gắn với nhiệm vụ chính trị của đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện. Công tác nắm bắt, phân tích, xử lý, định hướng dư luận xã hội có sự đổi mới, bám sát cơ sở, phát huy hiệu quả các ứng dụng, nền tảng truyền thông hiện đại¹. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai

¹ Tổ chức các cuộc điều tra dư luận xã hội cấp tỉnh: Thái Nguyên tổ chức được 17 cuộc điều tra trực tiếp với 31.000 phiếu và 02 cuộc trực tuyến với trên 26.000 lượt người tham gia. Bắc Kạn tổ chức được 04 cuộc điều tra trực tiếp với 2.000 phiếu và 05 cuộc trực tuyến với trên 41.700 lượt người tham gia.

trái, thù địch được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và đạt kết quả rõ rệt. Hai tỉnh đã tổ chức thành công nhiều cuộc thi, hội thi, hội thảo khoa học gắn với các sự kiện lịch sử và việc thực hiện các chủ trương lớn của Đảng². Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận được triển khai thực hiện đồng bộ ở các cấp và toàn diện trên các lĩnh vực.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết, Kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp.

Công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và phát triển đảng viên được chú trọng³. Việc tiến hành kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong tổ chức đảng các cấp và cán bộ, đảng viên đạt yêu cầu đề ra⁴. Thực hiện tốt việc rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy, Ban Thường vụ và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp. Sửa đổi, bổ sung, ban hành nhiều quy định, quy chế, đề án, kế hoạch về công tác tổ chức xây dựng Đảng, quy chế làm việc của các cấp ủy. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện đưa vào sử dụng ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử; hai tỉnh đã triển khai phòng họp không giấy tờ ngay từ đầu nhiệm kỳ. Việc phát triển tổ chức đảng, đảng viên trên địa bàn, nhất là ở các doanh nghiệp ngoài nhà nước, trong học sinh, sinh viên được thực hiện hiệu quả⁵.

Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, có nhiều đổi mới, sáng tạo theo hướng chủ động phát hiện, chủ động đề nghị và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan cấp trên trong công tác thanh tra, kiểm tra, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ nên chất lượng, hiệu lực, hiệu quả được nâng lên. Tăng cường thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên⁶, coi trọng nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát ngay từ cơ sở nhằm phòng ngừa, cảnh báo vi phạm, giữ cho tổ chức Đảng và đảng viên không đi chệch hướng, góp phần thực hiện nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

² Thái Nguyên: Phối hợp tổ chức 01 hội thảo khoa học cấp Trung ương; chủ trì tổ chức 06 hội thảo khoa học cấp tỉnh về công tác giáo dục lý luận chính trị, lịch sử đảng và lĩnh vực văn hóa.

³ Kết nạp đảng viên mới, bình quân hàng năm: Thái Nguyên đạt tỷ lệ 3,12%; Bắc Kạn đạt 2,72% đạt mục tiêu Nghị quyết (*Mục tiêu Nghị quyết: 2,5%*) và cơ bản đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương.

⁴ Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Thái Nguyên đạt 96,01%, Bắc Kạn đạt trên 96,1%. Tỷ lệ đảng bộ cấp trên cơ sở xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Thái Nguyên đạt 98,33%; Bắc Kạn đạt 97,7%. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Thái Nguyên đạt 95,11%; Bắc Kạn đạt 96,4%.

⁵ Đến thời điểm 01/9/2025, toàn Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên có 96 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, bao gồm: Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng bộ Quân sự tỉnh, Đảng bộ Công an tỉnh và 92 đảng bộ xã, phường; có 763 tổ chức cơ sở đảng, 43 đảng bộ bộ phận và 4.639 chi bộ trực thuộc với 140.009 đảng viên.

⁶ Trong nhiệm kỳ, cấp ủy các cấp tỉnh Thái Nguyên đã chủ động kiểm tra, đề nghị kiểm tra và phối hợp kiểm tra 6.856 tổ chức đảng, 9.914 đảng viên; giám sát 4.096 tổ chức đảng, 8.381 đảng viên; thi hành kỷ luật 11 tổ chức đảng (khiển trách 10, cảnh cáo 01) và 905 đảng viên (khiển trách 757, cảnh cáo 112, cách chức 12, khai trừ 24); tỉnh Bắc Kạn đã kiểm tra 1.058 tổ chức đảng, 5.891 đảng viên và giám sát 579 tổ chức đảng, 1.810 đảng viên, thi hành kỷ luật 01 tổ chức đảng, 279 đảng viên (khiển trách 189, cảnh cáo 77, cách chức 06, khai trừ 07). Số liệu tính đến 30/6/2025.

Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của hai tỉnh được thành lập theo đúng quy định của Trung ương và luôn chủ động, quyết liệt trong chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kết hợp chặt chẽ giữa tích cực thực hiện các giải pháp phòng ngừa và chủ động phát hiện, kiên quyết xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, gắn phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với phòng, chống lãng phí. Tỷ lệ thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong các vụ án tham nhũng được nâng cao⁷.

Các cấp ủy đảng, chính quyền và hệ thống chính trị tỉnh đã thường xuyên quan tâm, đổi mới công tác dân vận, hoạt động theo hướng thiết thực, sâu sát nắm tình hình cơ sở, dư luận trong Nhân dân; chú trọng đối thoại, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, kịp thời giải quyết những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được quan tâm; công tác dân vận và phong trào thi đua “Dân vận khéo” được triển khai thực hiện có hiệu quả. Đến nay toàn tỉnh có trên 2.400 mô hình “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực.

1.2. Công tác xây dựng chính quyền các cấp được tập trung chỉ đạo thực hiện, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả

Thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 2 cấp, Ban Chấp hành Đảng bộ hai tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp thực hiện việc quán triệt, ban hành hệ thống các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời; phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trực tiếp phụ trách địa bàn, cơ sở quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện. Việc triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ đề ra, nhiều việc vượt tiến độ⁸. Từ ngày 01/7/2025, tỉnh Thái Nguyên đã chính thức vận hành bộ máy đơn vị hành chính 2 cấp và đi vào hoạt động đồng bộ, thông suốt, ổn định.

⁷ Trong đó, tỷ lệ thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng trong giai đoạn thi hành án: Năm 2021 đạt tỷ lệ 75% về việc và 26,02% về tiền; năm 2022, 2023 đều đạt tỷ lệ 100% về việc và 100% về tiền; năm 2024 đạt tỷ lệ 86,84% về việc và 94,45% về tiền trên số việc và tiền có điều kiện thi hành (cao hơn chỉ tiêu Quốc hội giao).

⁸ Là địa phương sớm nhất trong cả nước trình Đề án hợp nhất, sáp nhập tỉnh và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; là một trong những địa phương đầu tiên hoàn thành việc trình Phương án nhân sự lãnh đạo chủ chốt của địa phương trình cơ quan Trung ương có thẩm quyền, quá trình thực hiện đạt được sự đồng thuận, nhất trí cao của Ban Thường vụ hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn.

Bộ máy chính quyền tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh có nhiều đổi mới, thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm trong các hoạt động của Quốc hội, nhất là hoạt động tham gia xây dựng pháp luật, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, được cử tri và Nhân dân đánh giá cao. Chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp được nâng lên; kịp thời cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh; các hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân được tăng cường, phát huy vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường phân cấp, phân quyền; ủy ban nhân dân các cấp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đồng hành cùng người dân, doanh nghiệp, triển khai tích cực, hiệu quả các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân.

Cải cách thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, tài chính công và xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; vai trò kiến tạo và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp được thể hiện ngày càng hiệu quả. Đề án số 06 của Chính phủ⁹ được tập trung triển khai thực hiện quyết liệt và đạt nhiều kết quả nổi bật. Các chỉ số về cải cách hành chính hằng năm đều có chuyển biến tích cực¹⁰, góp phần phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, điển hình là các Cuộc vận động: *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*, *“Thái Nguyên/Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới”*; *“Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát”*; *“Tết vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”*;... Phối hợp với chính quyền thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; vận động Nhân dân chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, các dự án, công trình trọng điểm trên địa bàn và các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

⁹ Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

¹⁰ Trong đó, các chỉ số về cải cách hành chính đã có sự cải thiện đáng kể so với năm 2020, như: Tỉnh Thái Nguyên có chỉ số hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đứng thứ 2 cả nước, tăng 22 bậc; Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) đứng thứ 5 cả nước, tăng 7 bậc.

Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất trong nhận thức và thực hiện nhiệm vụ về cải cách tư pháp theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương. Các cơ quan tư pháp của địa phương được sắp xếp, kiện toàn về tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả¹¹. Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bảo đảm thực hiện tốt quyền tư pháp, tôn trọng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Hoạt động hỗ trợ tư pháp có nhiều chuyển biến tích cực, đáp ứng yêu cầu của hoạt động tư pháp và nhu cầu của cá nhân, tổ chức.

2. Kết quả công tác lãnh đạo phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

2.1. Phát triển kinh tế đạt được nhiều kết quả quan trọng, nổi bật, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển chung của tỉnh

Kinh tế có bước phát triển ổn định, bền vững với nhiều điểm sáng, hoạt động sản xuất kinh doanh sau đại dịch Covid-19 được phục hồi và phát triển khá. Tăng trưởng kinh tế của tỉnh bình quân đạt 7,3%/năm¹², cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng ngành phi nông nghiệp của tỉnh tăng từ 86,5% năm 2020 lên 88,8% năm 2025; tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm từ 13,5% xuống 11,2%. Quy mô kinh tế và năng lực sản xuất của tỉnh được mở rộng. Đến năm 2025, tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 202.925 tỷ đồng, gấp 1,6 lần năm 2020; GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 119 triệu đồng/người, gấp 1,5 lần năm 2020 (79,4 triệu đồng)¹³.

Công nghiệp là động lực chính dẫn dắt tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Giai đoạn 2021 - 2025, giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) tăng bình quân 8%/năm; năm 2025 đạt 1,156 triệu tỷ đồng. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò chủ đạo: Giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực FDI Thái Nguyên năm 2025 ước đạt 1,06 triệu tỷ đồng (chiếm khoảng 92% tổng giá trị); khu vực kinh tế trong nước đạt 89 nghìn tỷ đồng (chiếm 8%). Ngành xây dựng đảm bảo năng lực thiết kế và thi công các công trình trọng điểm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng lân cận.

Sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh chuyển dịch mạnh theo hướng hàng hóa, nâng cao chất lượng và thương hiệu sản phẩm. Giai đoạn 2021 - 2025, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh tăng bình quân 3,9%/năm¹⁴.

¹¹ Kết quả công tác của các cơ quan tư pháp hằng năm luôn đạt và vượt chỉ tiêu công tác theo Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội.

¹² Tăng trưởng kinh tế (GRDP) tỉnh Thái Nguyên bình quân hằng năm ước đạt 7,35%; tỉnh Bắc Kạn ước đạt 6,6%

¹³ GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 tỉnh Thái Nguyên ước đạt 119 triệu đồng/người/năm; tỉnh Bắc Kạn ước đạt 63 triệu đồng/người/năm.

¹⁴ Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản của Thái Nguyên tăng bình quân 3,8%/năm; Bắc Kạn tăng bình quân 4,2%/năm.

Đến năm 2025, Thái Nguyên có 575 sản phẩm OCOP đạt từ 3 đến 5 sao, trong đó có 10 sản phẩm đạt 5 sao¹⁵. Giá trị cây chè và sản phẩm trà ngày càng gia tăng, có nhiều sản phẩm thương hiệu, hiệu quả kinh tế, sức cạnh tranh cao trên thị trường. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng. Đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 61,6%¹⁶.

Tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các mục tiêu của Chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi, gắn với phong trào *“Thái Nguyên/Bắc Kạn chung sức xây dựng nông thôn mới”*. Năm 2025, có 04 thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, 04 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao); 144/216 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bằng 66,7% số xã, trong đó có: 54/144 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, bằng 37,5% và 12/144 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, bằng 8,3%¹⁷. Tỷ lệ giảm nghèo vượt kế hoạch đề ra, bình quân mỗi năm số hộ nghèo giảm 1,41%¹⁸. Chương trình đã làm thay đổi diện mạo nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Hệ thống giao thông nông thôn, thủy lợi được xây dựng và nâng cấp, cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng thương mại nông thôn được đầu tư đồng bộ, hệ thống điện nông thôn được ưu tiên đầu tư. Môi trường tại các vùng nông thôn dần sạch đẹp, an toàn; bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển du lịch.

Ngành thương mại - dịch vụ phục hồi nhanh sau đại dịch Covid-19. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 104,45 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân 17,7%/năm. Hạ tầng thương mại được quy hoạch và đầu tư mạnh: Đến năm 2025, tỉnh có 205 chợ và 05 trung tâm thương mại. Thái Nguyên luôn thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về giá trị xuất khẩu.

Giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh đón khoảng 18,6 triệu lượt khách du lịch, doanh thu du lịch đạt trên 15,64 nghìn tỷ đồng. Tỉnh tập trung phát huy tiềm năng du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái gắn với lịch sử - văn hóa - tâm linh; thu hút dự án hạ tầng du lịch lớn tại các khu du lịch: Hồ Núi Cốc, sườn đông Tam Đảo, Hồ Ba Bể, khu di tích lịch sử ATK Định Hóa, ATK Chợ Đồn ...

¹⁵ Thái Nguyên có 330 sản phẩm OCOP đạt từ 3 đến 5 sao, trong đó có 6 sản phẩm đạt 5 sao; Bắc Kạn có 245 sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên, trong đó có 4 sản phẩm 5 sao.

¹⁶ Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 46% ở Thái Nguyên và trên 72,9% ở Bắc Kạn.

¹⁷ Thái Nguyên có 03 thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, 04 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 02 huyện đạt nông thôn mới nâng cao); 115/121 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bằng 95,04% số xã; 50/115 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, bằng 43,5%; 12/115 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, bằng 10,4%. Bắc Kạn có 01 thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 29/95 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bằng 30,5%; 04/29 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, bằng 13,8%.

¹⁸ Thái Nguyên giảm bình quân số hộ nghèo mỗi năm 1,15%/năm, Bắc Kạn giảm bình quân 2,47%/năm.

Nhiều dự án quy mô lớn (như khu nghỉ dưỡng 5 sao Hồ Núi Cốc, sân golf tại xã Thành Công, sân golf tại xã Đại Phúc) dự kiến hoàn thành, đưa vào hoạt động trong năm 2025, đóng góp hiệu quả cho phát triển kinh tế.

Công tác thu ngân sách được chỉ đạo triển khai chặt chẽ, bám sát dự toán. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng từ 16.440 tỷ đồng năm 2020 lên 24.735 tỷ đồng năm 2025 (gấp 1,70 lần)¹⁹; Chi ngân sách bảo đảm đúng, đủ và kịp thời theo quy định; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện nghiêm túc.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 tăng mạnh, đạt khoảng 374 nghìn tỷ đồng, bình quân đạt 75 nghìn tỷ đồng/năm; thu hút 231 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn 81.734 tỷ đồng²⁰; lũy kế đến nay có 1.095 dự án trong nước (tổng vốn đăng ký 1,01 triệu tỷ đồng); cấp mới và điều chỉnh tăng vốn cho 150 lượt dự án FDI với tổng vốn 2,73 tỷ USD; lũy kế đến nay có 228 dự án FDI với tổng vốn 11,2 tỷ USD.

Các thành phần kinh tế đều được khuyến khích, tạo điều kiện phát triển thông qua hệ thống chính sách thuận lợi. Tỉnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, đề án, chương trình hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển²¹. Qua đó, kinh tế tư nhân phát triển nhanh: Từ năm 2021 đến 30/6/2025, thành lập mới 5.715 doanh nghiệp (vốn đăng ký 65.856 tỷ đồng), nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn lên 13.044 (vốn đăng ký 187.955 tỷ đồng); kinh tế tập thể phát triển, thành lập mới 02 liên hiệp hợp tác xã và 451 hợp tác xã, nâng tổng số lên 07 liên hiệp và 1.221 hợp tác xã.

Các loại thị trường được phát triển đồng bộ, tạo động lực góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển năng động, bền vững: (1) Thị trường hàng hóa - dịch vụ phát triển nhanh, đa dạng; (2) Thị trường tài chính - tiền tệ mở rộng, giai đoạn 2021-2025, tín dụng tăng bình quân khoảng 18%/năm (vượt mục tiêu 12%); đến hết năm 2025, dư nợ tín dụng đạt khoảng 159 nghìn tỷ đồng; (3) Thị trường bất động sản dần phục hồi và phát triển ổn định. Tỉnh đã chú trọng công khai, minh bạch thông tin thị trường; ban hành quy chế phối hợp quản lý và duy trì hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản; (4) Thị trường khoa học và công nghệ được hình thành. Các hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ và chuyển giao công nghệ được thúc đẩy. Ngành chức năng hỗ trợ liên kết giữa đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ. Các doanh nghiệp công nghệ được ưu tiên hỗ trợ phát triển.

¹⁹ Riêng đối với tỉnh Thái Nguyên từ năm 2023 tỉnh đã tự cân đối thu chi và có điều tiết về ngân sách Trung ương

²⁰ Gồm 192 dự án ngoài khu công nghiệp với số vốn 78.015 tỷ đồng và 40 dự án trong khu công nghiệp với số vốn 3.717 tỷ đồng.

²¹ Tỉnh Thái Nguyên ban hành Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư; Đề án phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021 - 2025; Quy định mức chi hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh...

2.2. Về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật

Công tác quy hoạch tỉnh được thực hiện theo đúng Luật Quy hoạch, bám sát Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị, trên cơ sở tích hợp các nội dung, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và các địa phương có tính tới yếu tố liên kết vùng và hội nhập quốc tế²².

Việc thực hiện quy hoạch tỉnh và quy hoạch các khu công nghiệp; quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn được triển khai đồng bộ; việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch phân khu được chỉ đạo triển khai quyết liệt. Chương trình phát triển đô thị đạt nhiều kết quả tích cực²³. Nhiều khu đô thị, khu dân cư và nhà ở được quy hoạch, xây dựng, đáp ứng nhu cầu nhà ở, tạo không gian và hạ tầng kỹ thuật đô thị, nâng cao mỹ quan đô thị.

Các khu, cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển. Tỉnh quy hoạch 19 khu công nghiệp và 1 khu công nghệ thông tin tập trung (tổng diện tích 6.402ha), đã thành lập 12 khu công nghiệp, trong đó 6 khu đang hoạt động; quy hoạch 68 cụm công nghiệp (tổng diện tích 2.743,47ha), đã thành lập 40 cụm công nghiệp (diện tích 1.590 ha). Hạ tầng giao thông được ưu tiên đầu tư, đặc biệt là các dự án liên kết, kết nối vùng. Trong nhiệm kỳ, tỉnh đã bố trí 14.942 tỷ đồng cho 38 dự án giao thông (đạt 40,89% kế hoạch vốn trung hạn), dự kiến hoàn thành 29 dự án; Trung ương đầu tư Dự án cao tốc Chợ Mới - Bắc Kạn với tổng đầu tư 5.750 tỷ đồng đã được khởi công xây dựng. Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn, đoạn qua địa phận tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Các dự án được xây dựng và hoàn thành tạo bước đột phá về phát triển hạ tầng giao thông kết nối thông suốt với mạng lưới giao thông quốc gia và các tỉnh lân cận, mở ra không gian phát triển mới cho khu, cụm công nghiệp, thương mại - dịch vụ, đô thị và du lịch.

Hạ tầng nông nghiệp và nông thôn được chú trọng đầu tư, làm thay đổi diện mạo nông thôn khang trang, sạch đẹp, hiện đại. Hệ thống trường học, nhà văn hóa, trạm y tế, trụ sở xã, chợ nông thôn, viễn thông, công trình cấp nước, thủy lợi,... được đầu tư nâng cấp đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của Nhân dân. Hạ tầng thông tin và truyền thông được quan tâm phát triển. Mạng lưới bưu chính được mở rộng; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước được đẩy mạnh; các nền tảng chính quyền điện tử (Trung tâm Điều hành thông minh, ứng dụng C-ThaiNguyen, ThaiNguyen-ID) đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập kênh tương tác hiệu quả giữa chính quyền, người dân và doanh nghiệp.

²² Thái Nguyên là một trong các tỉnh đầu tiên của cả nước được Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg, ngày 14/3/2023; Bắc Kạn được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg, ngày 03/11/2023.

²³ Thị xã Phổ Yên lên thành phố Phổ Yên trước 3 năm; thành lập thị trấn Hóa Thượng (huyện Đồng Hỷ); nâng cấp khu đô thị mới Diềm Thụy (huyện Phú Bình); đô thị Quân Chu (huyện Đại Từ) và khu mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại V; Xây dựng thành phố Bắc Kạn hướng xanh - sạch - văn minh và thành lập thị trấn Vân Tùng (huyện Ngân Sơn).

2.3. Phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ được đẩy mạnh, gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện tốt việc hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Tỉnh đã tiến hành nghiệm thu 131 nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có trên 50% kết quả được ứng dụng vào sản xuất, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay, tỉnh có 36 văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các đặc sản địa phương, sản phẩm thế mạnh của tỉnh (05 chỉ dẫn địa lý, 05 nhãn hiệu chứng nhận, 26 nhãn hiệu tập thể). Đặc biệt, đến nay nhãn hiệu tập thể “Chè Thái Nguyên” đã được bảo hộ tại 6 quốc gia và vùng lãnh thổ (Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan); chỉ dẫn địa lý “Tân Cương” đã được bảo hộ tại Liên minh Châu Âu.

Hoạt động đổi mới sáng tạo được triển khai quyết liệt, đồng bộ. Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2024 Thái Nguyên xếp thứ 09/63 tỉnh, thành phố và đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

2.4. Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm triển khai đồng bộ, tích cực, hiệu quả

Công tác quản lý đất đai được triển khai nghiêm túc theo quy định; hoàn thành quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021 - 2030; lập kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và xác định giá đất theo quy định. Việc chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt đất lúa và đất rừng, được kiểm soát chặt chẽ.

Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt; công tác quan trắc, giám sát môi trường được duy trì đúng định kỳ và bảo đảm chế độ quan trắc, kịp thời điều chỉnh mạng lưới quan trắc môi trường cho phù hợp với yêu cầu giám sát môi trường. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom, xử lý theo quy định đạt khoảng 86,2%²⁴; 100% rác thải y tế được thu gom, xử lý đúng quy định.

Công tác ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai được quan tâm chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ, khoa học và đồng bộ để chủ động phòng ngừa, kịp thời ứng phó, khẩn trương khắc phục với phương châm 4 tại chỗ từ tỉnh đến cơ sở, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, con người

3.1. Chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng lên đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong giai đoạn mới

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện con người. Đội ngũ giáo viên và cán bộ

²⁴ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị Thái Nguyên được thu gom, xử lý theo quy định đạt khoảng 85% và Bắc Kạn đạt khoảng 92%.

quản lý giáo dục được bảo đảm đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng. Mạng lưới trường, lớp các cấp học tiếp tục được quan tâm đầu tư và từng bước hiện đại hoá gắn với xây dựng trường chuẩn quốc gia²⁵. Tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018; củng cố vững chắc và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt cao (bình quân đạt 98%); giáo dục mũi nhọn đạt thành tích tốt²⁶.

Giáo dục ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục được quan tâm gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực²⁷.

Với vai trò là đại học vùng, Đại học Thái Nguyên tiếp tục có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo gắn với nhu cầu của thị trường và xã hội; giữ vai trò đi đầu trong nghiên cứu khoa học, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao²⁸, đáp ứng nhu cầu của tỉnh, của khu vực trung du, miền núi phía Bắc và cả nước.

3.2. An sinh, phúc lợi xã hội không ngừng được bảo đảm và nâng cao

Các chính sách xã hội được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, huy động các nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần cho người có công với cách mạng, đối tượng chính sách; thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; chính sách về nhà ở, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân ở các khu, cụm công nghiệp.

Các chính sách giảm nghèo được thực hiện đồng bộ; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, dự kiến đến hết năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm 1,41%, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, thực hiện thành công việc xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở²⁹.

²⁵ Năm 2025, Thái Nguyên có 758/952 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 79,62%, trong đó Thái Nguyên (trước sáp nhập) có 606/673 trường, đạt tỷ lệ 90,04%, Bắc Kạn có 152/279 trường, đạt tỷ lệ 54,48%.

²⁶ Giai đoạn 2020 - 2025, học sinh Thái Nguyên đạt 08 giải nhất, 65 giải nhì, 130 giải ba và 185 giải khuyến khích trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa, trong đó Thái Nguyên (trước sáp nhập) có 07 giải nhất, 64 giải nhì, 106 giải ba và 142 giải khuyến khích; Bắc Kạn có 01 giải nhất, 01 giải nhì, 24 giải ba và 43 giải khuyến khích.

²⁷ Thái Nguyên có 13 trường phổ thông dân tộc nội trú với quy mô 4.502 học sinh, trong đó Thái Nguyên (trước sáp nhập) có 6 trường, quy mô 2.460 học sinh; Bắc Kạn có 7 trường, quy mô 2.042 học sinh.

²⁸ Đại học Thái Nguyên đang đào tạo 250 ngành trình độ đại học, 70 ngành trình độ thạc sĩ, 35 ngành trình độ tiến sĩ, cùng với 30 ngành đào tạo bác sĩ chuyên khoa, bác sĩ nội trú. Quy mô đào tạo trên 80.000 người học.

²⁹ Thực hiện Công điện số 102/CĐ-TTg, ngày 06/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước, Thái Nguyên đã hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho 1.838 hộ, đạt 100% kế hoạch, về đích trước kế hoạch 8 tháng so với quy định và là một trong 3 tỉnh tiên phong hoàn thành sớm nhất cả nước. Đối với địa bàn tỉnh Bắc Kạn cũ, Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 08/8/2025, đã thực hiện khởi công

Lĩnh vực lao động và việc làm tiếp tục được chú trọng; chất lượng đào tạo nghề được cải thiện theo hướng thiết thực, hiệu quả, gắn với nhu cầu của thị trường lao động. Hoạt động hỗ trợ đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 11/NQ-CP, ngày 30/01/2022 của Chính phủ được triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025 tỉnh Thái Nguyên đạt 71%, trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36,2%; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị năm 2025 dưới 3%³⁰.

3.3. Sự nghiệp y tế tiếp tục được quan tâm đầu tư, phát triển, chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân ngày càng được nâng lên

Tỉnh Thái Nguyên đã triển khai thực hiện tốt các chương trình, đề án về y tế; nâng cao chất lượng dân số; đẩy mạnh chuyển đổi số y tế (triển khai bệnh án điện tử, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID). Thực hiện tốt các chính sách về y tế, dân số, bảo trợ xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập³¹. Công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế được tăng cường, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế hằng năm duy trì đạt từ 95% trở lên.

Mạng lưới cơ sở y tế tiếp tục được củng cố và hoàn thiện theo hướng tinh gọn, hiệu quả; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng; 100% các xã trên địa bàn tỉnh đạt Tiêu chí quốc gia về y tế. Hệ thống khám, chữa bệnh được phát triển đồng bộ từ cấp khám chữa bệnh ban đầu đến cơ bản và chuyên sâu (đến nay, tỉnh Thái Nguyên đạt 49 giường bệnh/10.000 dân; 17,2 bác sĩ/10.000 dân). Y tế dự phòng tiếp tục được quan tâm đầu tư, bảo đảm chủ động phòng, chống dịch bệnh, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm. Tỉnh đã thực hiện nhiều biện pháp kiểm soát tốt dịch Covid-19, tăng cường tỷ lệ bao phủ vắc-xin, hạn chế thấp nhất tỷ lệ tử vong do dịch.

3.4. Phát triển văn hoá, thể thao, thông tin, truyền thông được chú trọng, đặc biệt công tác chuyển đổi số đạt được kết quả nổi bật

Lĩnh vực văn hóa, thể thao được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển; công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, nghệ thuật được chú trọng; gắn kết bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển du lịch; tổ chức thành công nhiều sự kiện, hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn.

xây dựng và hỗ trợ 1.072/1.072 hộ, đảm bảo hoàn thành xong 6.953/6.953 hộ (xây mới 5.426 hộ, sửa chữa 1.527 hộ) đạt 100% kế hoạch.

³⁰ Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025 tỉnh Thái Nguyên đạt 76,5%, tỉnh Bắc Kạn đạt 55%; trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ tỉnh Thái Nguyên đạt 36,8%, tỉnh Bắc Kạn đạt 34%. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị năm 2025: tỉnh Thái Nguyên dưới 3%, tỉnh Bắc Kạn dưới 2%

³¹ Đến nay, tỉnh Thái Nguyên có 791 cơ sở hành nghề y tư nhân (trong đó Thái Nguyên có 636 cơ sở; Bắc Kạn có 155 cơ sở); 1.721 cơ sở kinh doanh dược tư nhân (trong đó Thái Nguyên có 1.457 cơ sở; Bắc Kạn có 264 cơ sở).

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” được đẩy mạnh. Tỷ lệ gia đình văn hóa, xóm, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá đều đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Thiết chế thể thao được tăng cường đầu tư xây dựng. Phong trào thể dục thể thao quần chúng được phát triển sâu rộng, một số môn thể thao quần chúng mới phát triển, thu hút đông đảo người dân tham gia. Thể thao thành tích cao đạt nhiều thành tích nổi bật tại các giải toàn quốc và quốc tế.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo về hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, thông tin điện tử được quan tâm đẩy mạnh, bảo đảm đúng định hướng, tập trung quảng bá tiềm năng, thế mạnh của tỉnh nhằm thu hút đầu tư, du lịch, nâng cao vị thế của tỉnh trong quá trình đổi mới, hội nhập và phát triển.

Hạ tầng số được quan tâm đầu tư phát triển, mở rộng đến 100% xóm/bản. Chuyển đổi số của tỉnh Thái Nguyên 02 năm liên tục (2021, 2022) duy trì đứng thứ 08/63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP tỉnh Thái Nguyên 2 năm liên tiếp đứng thứ 3 cả nước (năm 2023 đạt 34,1%, năm 2024 đạt 35,5%). Nhiều nông sản của tỉnh đã được cung cấp trên các sàn thương mại điện tử trong và ngoài nước. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng cho các hệ thống phục vụ chính quyền điện tử, chính quyền số tiếp tục được tăng cường.

3.5. Công tác dân tộc, tôn giáo được quan tâm chỉ đạo, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

Các chương trình, dự án, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số được tỉnh chỉ đạo triển khai kịp thời, phát huy hiệu quả; cơ sở hạ tầng từng bước được đầu tư; tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa ngày càng được cải thiện và nâng cao. Hệ thống chính trị cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số được quan tâm xây dựng và củng cố; an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số đối với các cấp ủy đảng, chính quyền được nâng lên.

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được quan tâm; các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo được triển khai thực hiện tốt, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân. Các hoạt động tôn giáo trên địa bàn tỉnh duy trì ổn định, tuân thủ theo quy định của pháp luật, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

4. Kết quả công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại

4.1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương được củng cố, tăng cường, góp phần xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc

Tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố thể trận lòng dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc, nhất là tại các địa bàn trọng điểm và trên không gian mạng, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống xảy ra.

Lực lượng vũ trang được củng cố ngày càng vững mạnh; chất lượng tổng hợp được nâng lên. Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Tổ chức huấn luyện, diễn tập phòng thủ các cấp bảo đảm hiệu quả, an toàn. Công tác tập huấn, huấn luyện, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh được tổ chức theo đúng kế hoạch, bảo đảm chất lượng. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu, chất lượng ngày càng cao. Thực hiện tốt công tác chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng, thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng.

4.2. Công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội

An ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững và ổn định. Công tác nắm, dự báo tình hình, bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực được chú trọng. Công tác phòng, chống tội phạm được thực hiện quyết liệt, hiệu quả. Trật tự, an toàn giao thông có chuyển biến tích cực, tai nạn giao thông hằng năm giảm cả 03 tiêu chí; công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả từ cơ sở. Phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*” có sự đổi mới về nội dung, phương pháp thực hiện, hiệu quả được nâng lên.

Lực lượng Công an được xây dựng ngày càng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo đảm hoạt động ổn định, không để ngắt quãng công việc khi thực hiện mô hình Công an địa phương 2 cấp. Cơ sở vật chất, trang thiết bị luôn được quan tâm đầu tư xây dựng. Việc thành lập lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và bố trí lực lượng Công an chính quy tại 100% địa bàn cấp xã đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong tiếp nhận, xử lý hiệu quả các vấn đề liên quan đến an ninh, trật tự tại cơ sở.

4.3. Công tác đối ngoại đạt nhiều kết quả quan trọng trong thành tựu chung thực hiện Nghị quyết Đại hội

Công tác đối ngoại được thực hiện có hiệu quả trên cả 3 trụ cột: Đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Tiếp tục củng cố, làm sâu sắc thêm quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh với các địa phương

nước ngoài đã thiết lập quan hệ hợp tác; tích cực kết nối, xúc tiến mở rộng quan hệ hợp tác cấp địa phương mới. Đẩy mạnh hoạt động gặp gỡ, xúc tiến giữa lãnh đạo tỉnh với các tập đoàn, công ty nước ngoài; triển khai hiệu quả các hoạt động ngoại giao kinh tế, văn hóa của tỉnh. Công tác đối ngoại nhân dân được quan tâm, các hội hữu nghị của tỉnh tăng cường tổ chức các hoạt động hòa bình, đoàn kết, giao lưu hữu nghị với Nhân dân các nước.

*** Nguyên nhân của những kết quả đạt được**

1. Được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ của Trung ương; sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo có nhiều đổi mới, chủ động và sáng tạo của cấp ủy, chính quyền; sự phối hợp, cộng tác của các địa phương trong và ngoài nước.

2. Sự nỗ lực, quyết tâm, khát vọng phát triển của Đảng bộ và chính quyền các cấp, cùng với sự cố gắng của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

3. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã năng động, sáng tạo, đoàn kết trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; các nội dung trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh được cụ thể hóa và triển khai sát với thực tế của địa phương, đơn vị đạt hiệu quả thiết thực.

4. Kế thừa thành tựu đã đạt được trong quá trình xây dựng và phát triển của địa phương qua nhiều thời kỳ. Kết hợp phát huy nội lực với việc thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư được triển khai tích cực, đồng bộ. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc, tích cực, hiệu quả.

II. HẠN CHẾ, YẾU KÉM TRONG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế. Còn có cán bộ, đảng viên, công chức, người đứng đầu cấp ủy, lãnh đạo một số ít cơ quan, đơn vị suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống dẫn tới vi phạm pháp luật. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát ở một số địa phương, đơn vị chưa thường xuyên, thiếu trọng tâm, trọng điểm; việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau thanh tra, kiểm tra, giám sát đôi khi còn chậm.

Công tác nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng, dư luận xã hội, tình hình Nhân dân, dân tộc, tôn giáo có lúc, có nơi chưa kịp thời. Nội dung, hình thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có mặt còn chậm đổi mới, chất lượng chưa cao.

2. Về phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh; một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra. Cơ cấu kinh tế tuy có chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm.

Sức cạnh tranh của các sản phẩm nông, lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, du lịch chưa cao, đặc biệt là các ngành có khả năng tạo ra đột phá như: Thương mại điện tử, kinh tế số, du lịch, tài chính... Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, khoa học công nghệ có mặt chưa đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

3. Về phát triển văn hóa, xã hội, con người

Tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số còn cao, kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo cao. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của một số trường học, cơ sở y tế tại các xã miền núi chưa đảm bảo, đáp ứng yêu cầu. Việc giải quyết nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân tại khu công nghiệp còn chậm.

4. Về công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Việc xử lý, giải quyết một số tin báo, tố giác tội phạm có lúc, có việc còn chậm; chất lượng điều tra, truy tố, xét xử một số ít vụ án, vụ việc chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong một số cơ quan, đơn vị hiệu quả chưa cao.

*** Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém**

- *Về nguyên nhân khách quan:* Tình hình dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, khó lường; xung đột vũ trang, chiến tranh thương mại xảy ra tại một số nước trong khu vực và thế giới đã ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Một số quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước có mặt thiếu đồng bộ, chưa được bổ sung, sửa đổi, hướng dẫn kịp thời nên ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện.

- Về nguyên nhân chủ quan

(1) Một số cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân còn biểu hiện ngại đổi mới, bằng lòng, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

(2) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy, địa phương, cơ quan, đơn vị trên một số lĩnh vực còn hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn. Công tác phối hợp giữa các đơn vị, địa phương đôi lúc chưa chặt chẽ, hiệu quả.

(3) Công tác nghiên cứu, đánh giá, dự báo tình hình còn có nội dung chưa sát thực tiễn, dẫn đến một số chỉ tiêu khó đạt theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội.

(4) Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát ở một số địa phương, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức; việc theo dõi, đánh giá kết quả khắc phục sau thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ chưa thực sự sát sao, thiếu kiên quyết.

(5) Nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội yêu cầu ngày càng cao, đòi hỏi am hiểu sâu sắc nhiều lĩnh vực trong khi một bộ phận cán bộ làm công tác Mặt trận, chính trị - xã hội còn hạn chế về chuyên môn, kiến thức pháp luật.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức song với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực, cố gắng, đồng thuận của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân, tỉnh đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết đề ra và đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: Kinh tế - xã hội tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng tích cực; cơ bản các chỉ tiêu đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra; văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ. Các chính sách xã hội được quan tâm chỉ đạo triển khai hiệu quả, nhất là công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người nghèo; khắc phục nhanh, kịp thời, giảm các thiệt hại do dịch Covid-19 và thiên tai gây ra. Quốc phòng, an ninh được đảm bảo; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được tăng cường; diện mạo từ thành thị đến nông thôn có nhiều khởi sắc; đời sống của Nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số hạn chế trong công tác điều hành, dự báo, nắm bắt tình hình có lúc, có nơi chưa thực sự sát với thực tế; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc có lúc, có nơi chưa đồng bộ, quyết liệt, thường xuyên, kịp thời nên một số lĩnh vực phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra; còn có cán bộ, đảng viên, người đứng đầu cấp ủy, lãnh đạo một số ít cơ quan, đơn vị chưa phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống dẫn tới vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Bài học kinh nghiệm

Một là, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; chấp hành nghiêm Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tăng cường đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, nhất là trong Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và cấp uỷ các cấp trong tỉnh; bảo đảm vai trò lãnh đạo, quyết định của cấp uỷ đảng và người đứng đầu.

Hai là, chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, nhất là chất lượng của các nghị quyết, chỉ thị, chương trình, đề án được ban hành phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thực tiễn, đáp ứng được nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; tổ chức thực hiện quyết liệt các chủ trương, quyết sách của Đảng với tư duy mới, cách làm mới.

Ba là, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành phải xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm và phân cấp, phân quyền, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, địa phương, đơn vị gắn với nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động, linh hoạt, sáng tạo phù hợp với tình hình thực tiễn.

Bốn là, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện lập quy hoạch tỉnh bảo đảm chất lượng và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách gắn với việc đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn. Huy động tốt các nguồn lực đầu tư để phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, sử dụng có hiệu quả nội lực, phát huy lợi thế, gắn với tích cực thu hút các nguồn lực từ bên ngoài để tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

Năm là, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đổi mới tác phong, lề lối làm việc. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp có phẩm chất, năng lực, dám nghĩ, dám làm, có trách nhiệm cao đối với sự phát triển của tỉnh và các địa phương, đơn vị.

Phần thứ hai **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP** **NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Dự báo thế giới trong thập kỷ tới xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là cơ bản, nhưng còn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp (xung đột, chiến tranh thương mại, chính sách thuế quan, lạm phát, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an ninh mạng) có thể dẫn đến rủi ro toàn cầu. Cuộc cách mạng 4.0 phát triển mạnh, nhất là trí tuệ nhân tạo và chip bán dẫn; kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn được chú trọng. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới tạo cơ hội xuất khẩu, nhưng cũng đặt ra thách thức cạnh tranh.

Ở trong nước, kinh tế vẫn đạt tăng trưởng ổn định, tiến tới nhóm nước có thu nhập trung bình cao; chuyển dịch theo hướng hiện đại. Kinh tế số, kinh tế ban đêm, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ phát triển mạnh, đòi hỏi đổi mới quản lý và sản xuất. Năng lượng tái tạo chiếm ưu thế hơn, công nghệ số làm thay đổi mạnh mẽ quản lý và đời sống. Vai trò lãnh đạo của Đảng tiếp tục được khẳng định, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh, củng cố niềm tin của Nhân dân.

Những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội đạt được trong những năm qua đã tạo ra thế và lực cho kinh tế của tỉnh; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại; các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ngày càng hoàn thiện. Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị đã xác định phát triển tỉnh Thái Nguyên trở thành một trong các “cực tăng trưởng” của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ là điều kiện thuận lợi để Thái Nguyên nâng cao vị trí, vai trò, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, sau hợp nhất, tỉnh Thái Nguyên có quy mô dân số và diện tích lớn hơn, mở rộng không gian phát triển, tạo động lực để bứt phá, phát triển vững chắc hơn về mọi mặt; 92 xã phường hoạt động ổn định, gần dân và sát dân.

Tuy nhiên, các khó khăn, thách thức tác động tới tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong thời gian tới vẫn rất lớn, với nhiều yếu tố khó dự báo, nhiều khó khăn, thách thức phải đối mặt, nhất là tác động của thị trường thế giới đến khu vực doanh nghiệp FDI; biến động về giá nguyên vật liệu đầu vào, áp lực lạm phát, chi phí sản xuất tăng cao; việc tiếp cận vốn vay của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa còn gặp nhiều khó khăn; kết cấu hạ tầng, đời sống của một bộ phận người dân ở khu vực miền núi, vùng cao còn khó khăn; cùng với những thách thức về thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, môi trường là những yếu tố tác động bất lợi đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bên cạnh đó, trình độ năng lực của một số cán bộ, công chức, viên chức chưa theo kịp với yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Việc thực hiện cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính của tỉnh đã bảo đảm đúng tiến độ; bộ máy chính quyền địa phương hai cấp bước đầu đi vào hoạt động ổn định. Tuy nhiên, còn tiếp tục phải thực hiện nhiều công việc để bảo đảm phục vụ tốt Nhân dân, doanh nghiệp: Đổi mới cơ chế vận hành, nâng cao chất cán bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào hoạt động,...

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Bám sát định hướng, quan điểm chỉ đạo của Trung ương và vận dụng sáng tạo, linh hoạt phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý

luận về đường lối đổi mới và nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của các tổ chức đảng trong tỉnh và năng lực quản lý, quản trị, kiến tạo phát triển của chính quyền địa phương hai cấp của tỉnh.

2. Phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; quy hoạch tổng thể quốc gia, vùng và quy hoạch tỉnh. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội; chủ động hội nhập, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, liên kết vùng và các địa phương trong nước.

3. Tiếp tục lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

4. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất, là đòn bẩy cho kinh tế địa phương phát triển; khơi dậy, kiến tạo môi trường đầu tư, khởi nghiệp thuận lợi; tháo gỡ triệt để những điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và huy động, sử dụng tối đa các nguồn lực, tiềm năng, lợi thế để phát triển bứt phá, bền vững.

5. Làm tốt công tác tư tưởng, tuyên truyền, vận động Nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, tự hào dân tộc và phát huy sức mạnh văn hoá, con người thành nguồn lực nội sinh, động lực phát triển, quyết tâm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

III. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NHIỆM KỲ 2025 - 2030

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát huy truyền thống đoàn kết, đột phá phát triển nhanh, bản sắc, bền vững; xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao toàn diện đời sống của Nhân dân, xây dựng tỉnh Thái Nguyên trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại, có thu nhập trung bình cao trước năm 2030, phấn đấu thành tỉnh phát triển có thu nhập cao trước năm 2045.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

*** Về kinh tế**

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt 361,6 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp, xây dựng 54,6%; dịch vụ và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 36,5%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 8,9%.

(2) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) theo giá so sánh bình quân từ 10,5%/năm trở lên.

(3) GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 220 triệu đồng.

(4) Phần đầu giai đoạn 2026 - 2030, tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP tỉnh Thái Nguyên đạt khoảng 35%.

(5) Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước (*không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết, thuế tối thiểu toàn cầu*) phần đầu đạt bình quân từ 10%/năm trở lên. Tỷ lệ thu ngân sách Nhà nước so với GRDP đạt từ 12,5% trở lên.

(6) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030 theo giá hiện hành đạt 793,3 nghìn tỷ đồng.

(7) Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP giai đoạn 2026 - 2030 đạt 68%.

(8) Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng bình quân 12,5%/năm.

(9) Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 4%/năm. Đến năm 2030, tổng giá trị sản phẩm thu được từ cây chè đạt 25 nghìn tỷ đồng.

(10) Giá trị xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tăng bình quân 10%/năm; trong đó, xuất khẩu địa phương tăng bình quân 10%/năm.

*** Về văn hóa - xã hội**

(11) Dân số đến năm 2030 đạt 1.845,7 nghìn người. Tốc độ tăng dân số bình quân đạt 1,52%.

(12) Đến năm 2030, tuổi thọ trung bình đạt từ 75,5 tuổi trở lên.

(13) Đến năm 2030, chỉ số phát triển con người (HDI) đạt từ 0,79 trở lên.

(14) Đến năm 2030, số lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt 826 nghìn người trở lên.

(15) Đến năm 2030, tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 15,73%; Công nghiệp và xây dựng chiếm 43,83%; Dịch vụ chiếm 40,44%.

(16) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 38% trở lên.

(17) Đến năm 2030, Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 3%. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn dưới 2,3%.

(18) Đến năm 2030, năng suất lao động theo giá hiện hành đạt từ 437 triệu đồng/lao động trở lên; Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hằng năm theo giá so sánh đạt từ 9% trở lên.

(19) Đến năm 2030, có từ 19 bác sỹ, 50 giường bệnh trên 1 vạn dân trở lên.

(20) Đến năm 2030, đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.

(21) Cùng cố vững chắc và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục các cấp học; trước năm 2030 hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở. Năm 2030 phấn đấu có 82% trường học đạt chuẩn quốc gia, 100% các xã đặc biệt khó khăn đều có trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc bán trú.

(22) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) duy trì mức giảm 1 - 1,5 điểm%/năm.

(23) Đến năm 2030, thu nhập bình quân đầu người gấp 1,5 lần so với năm 2025. Đạt trên 8 triệu đồng/tháng.

(24) Đến năm 2030, Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch, đạt chuẩn theo quy định tại nông thôn đạt 80%, thành thị đạt 100%.

(25) Phấn đấu đến năm 2030 có 95% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

(26) Hằng năm, có trên 90% gia đình văn hóa; trên 90% thôn (xóm), tổ dân phố văn hóa; trên 92% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; Đến năm 2030, mỗi xã, phường có ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể thao.

(27) 100% tổng số hồ sơ công việc của cả tỉnh (gồm cấp tỉnh, cấp xã) được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên mạng; hạ tầng mạng truy cập băng rộng cố định được đầu tư, nâng cấp đảm bảo 100% người sử dụng có khả năng truy nhập tốc độ trên 1Gb/s; mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 100% dân số, hướng tới phát triển mạng di động tiên tiến thế hệ tiếp theo.

*** Về môi trường**

(28) Tỷ lệ che phủ rừng từ 60% trở lên.

(29) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%; Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.

(30) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định đạt từ 95% trở lên. Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt yêu cầu theo loại đô thị tương ứng đạt 70%.

(31) Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

(32) Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng (xe buýt, tắc xi) sử dụng năng lượng xanh năm 2030 đạt từ 40% trở lên.

*** Về quốc phòng - an ninh**

(33) Hằng năm, phấn đấu xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ đạt từ 3,2% trở lên so với dân số của tỉnh. Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho 100% các đối tượng theo quy định.

(34) Phấn đấu đến năm 2030 có ít nhất 50% xã, phường trên địa bàn tỉnh không có ma túy; hằng năm kiểm chế tai nạn giao thông, nhất là các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng, phấn đấu kéo giảm 5% trên cả 3 tiêu chí (số vụ, số người chết và số người bị thương).

*** Về xây dựng Đảng**

(35) Hằng năm có trên 90% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

(36) Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt tỷ lệ từ 3% trở lên so với tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh đầu nhiệm kỳ.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tiếp tục quán triệt, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy tinh gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đề cao tính tiên phong, gương mẫu, ý thức trách nhiệm, tinh thần tự giác, tự rèn luyện của cán bộ, đảng viên và trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

(2) Quan tâm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại; tập trung nguồn lực để xây dựng, cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông huyết mạch, kết nối vùng, các tuyến đường gắn với các khu du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng. Phát triển hạ tầng nông thôn đồng bộ; quan tâm đầu tư hạ tầng dịch vụ thiết yếu ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu,...

(3) Tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; chú trọng công tác đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số và người dân tại các vùng đặc biệt khó khăn; đồng thời xây dựng và thực hiện hiệu quả các chính sách thu hút, phát triển nhân tài, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học và chuyên gia, trí thức trẻ. Qua đó, từng bước đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới.

(4) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư, rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tháo gỡ khó khăn, tạo động lực thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

(5) Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với liên kết sản xuất, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ; nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm và thúc đẩy chế biến, tiêu thụ nội địa, xuất khẩu nông sản chủ lực. Huy động nguồn lực, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, đặc biệt đối với các xã phía Bắc của tỉnh. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống cháy rừng.

(6) Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Tiếp tục thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế hộ gia đình, giảm nghèo đa chiều, khuyến khích làm giàu hợp pháp. Tăng cường quảng bá, xúc tiến du lịch; phát triển sản phẩm du lịch gắn với con người, văn hóa, bản sắc dân tộc.

(7) Tiếp tục xây dựng lực lượng Quân đội, Công an tỉnh Thái Nguyên cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, nắm chắc tình hình, đóng góp hiệu quả vào các chủ trương, nhiệm vụ, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, xử lý các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự; tăng cường đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm; thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống ma túy. Tiếp tục phát huy tốt vai trò của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở. Tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

2. Đột phá phát triển

(1) Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên vào các lĩnh vực giao thông, điện, khu, cụm công nghiệp; thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị gắn kết với sự phát triển của vùng Thủ đô Hà Nội.

(2) Phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực; có chính sách thu hút, đào tạo nhân tài; tập trung phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, trong đó, ưu tiên đào tạo nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ cao; tạo lợi thế thu hút đầu tư mới cho tỉnh.

(3) Thúc đẩy hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư. Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; phát huy hiệu quả lợi thế tài nguyên rừng, phát triển thị trường tín chỉ các-bon gắn với bảo vệ và phát triển rừng.

V. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

1.1. Về công tác xây dựng Đảng

(1) Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức

Thực hiện nghiêm các nguyên tắc, quy định, nghị quyết của Đảng; thực hành dân chủ gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng; cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng bảo đảm sát thực, hiệu quả.

Đổi mới, nâng cao chất lượng học tập, quán triệt và thực hiện nghị quyết; đề cao vai trò nêu gương, tinh thần tự giác, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên. Tăng cường giáo dục lý luận chính trị gắn với thực tiễn. Phát huy vai trò văn học, nghệ thuật, trí thức trên mặt trận tư tưởng; đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận gắn với nhiệm vụ chính trị.

Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ. Chủ động nắm bắt tư tưởng, định hướng dư luận xã hội, bảo đảm thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong nhân dân. Tăng cường quản lý, định hướng báo chí, lan tỏa thông tin tích cực, đấu tranh phản bác thông tin xấu độc; ngăn chặn suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

(2) Tập trung đổi mới, củng cố, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện tốt công tác tổ chức xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ

Tiếp tục thực hiện nghiêm các chủ trương, nghị quyết của Trung ương trong việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế; tập trung đổi mới, củng cố, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả, gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Tiếp tục cải tiến phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy các cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa

phương, cơ sở. Tăng cường cải cách hành chính trong Đảng; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ; bảo vệ chính trị nội bộ; quản lý, sàng lọc, xử lý đảng viên vi phạm. Nâng cao chất lượng đánh giá tổ chức đảng và đảng viên, khắc phục tình trạng nể nang, né tránh trong tự phê bình và phê bình.

(3) Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; tăng cường công tác hướng dẫn, chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp dưới. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát của cấp trên đối với cấp dưới, trong đó tập trung vào các nội dung mang tính đột phá, chiến lược và những ngành, lĩnh vực dễ xảy ra vi phạm, những nơi có biểu hiện mất đoàn kết nội bộ, nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan tâm; tăng cường giám sát thường xuyên qua phần mềm giám sát, hệ thống cơ sở dữ liệu số; xử lý kịp thời, kiên quyết, triệt để, đồng bộ, nghiêm minh các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Chú trọng công tác tự kiểm tra của các cấp ủy, tổ chức đảng, kịp thời phát hiện từ nội bộ để chấn chỉnh ngay những vi phạm từ khi mới phát sinh, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn.

Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật và công tác giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; chú trọng đôn đốc, giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát.

(4) Thực hiện tốt công tác dân vận, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác dân vận, công tác dân tộc, công tác tôn giáo bảo đảm sát thực tiễn, phù hợp điều kiện phát triển trong giai đoạn mới. Phát huy vai trò Nhân dân trong xây dựng, thực hiện và giám sát chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh. Tăng cường đối thoại giữa người đứng đầu với Nhân dân; xây dựng lực lượng nòng cốt là người có uy tín, nhất là ở vùng dân tộc, tôn giáo; chủ động nắm bắt, xử lý kịp thời các vấn đề phức tạp, “điểm nóng”.

Đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, đoàn kết, khát vọng cống hiến của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

(5) Thực hiện hiệu quả công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả đối với công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đẩy mạnh phát hiện, tập trung điều tra, xử lý dứt điểm các vụ án nghiêm trọng, phức tạp, dư luận quan tâm bảo đảm kịp thời, nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật. Thực hiện đồng bộ các biện pháp trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Phát huy tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh.

Thực hiện nghiêm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tiếp công dân. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền.

1.2. Công tác xây dựng chính quyền các cấp

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; tích cực tham gia xây dựng pháp luật, giám sát việc thi hành pháp luật, nghị quyết của Quốc hội tại địa phương, nâng cao vị thế của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trong các hoạt động của Quốc hội. Hội đồng nhân dân các cấp tiếp tục phát huy vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương; chú trọng nâng cao chất lượng các kỳ họp, hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và quyết định các biện pháp, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tạo sự đột phá mạnh mẽ về cách thức, hiệu quả tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết về phát triển kinh tế, xã hội. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân các cấp; khẳng định vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền địa phương.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tăng cường phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền; đơn giản hóa các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết, tạo điều kiện tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp; gắn cải cách bộ máy hành chính với cải cách chế độ công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Đẩy mạnh thực hiện cải cách tư pháp theo chủ trương của Trung ương. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư pháp (điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án) và công tác hỗ trợ tư pháp. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Tiếp tục cụ thể hóa và thực hiện hiệu quả các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Lựa chọn cán bộ có bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; kịp thời thay thế cán bộ còn hạn chế về năng lực, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đổi mới, nâng cao chất lượng tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ.

Tăng cường công tác thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của các cấp, các ngành gắn với thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội, nhằm phát huy hiệu quả của các nguồn lực và giữ vững trật tự kỷ cương, pháp luật, minh bạch trong quản lý Nhà nước.

1.3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là cán bộ chủ chốt có năng lực, gương mẫu, uy tín, trách nhiệm, bản lĩnh, tâm huyết với công tác Mặt trận và sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp trong phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Thực hành dân chủ, xây dựng thể trận lòng dân, tăng cường đồng thuận của nhân dân và xã hội. Đa dạng hóa các hình thức và phương thức tập hợp, vận động nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư. Thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Chủ động, tích cực tham gia xây dựng Đảng và chính quyền trong sạch, vững mạnh, tham gia phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và tăng cường đối ngoại nhân dân.

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường

2.1. Đối với lĩnh vực kinh tế

Triển khai hiệu quả các chương trình, cơ chế, chính sách đã ban hành của Trung ương (Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị; Quy hoạch vùng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt) và của tỉnh. Tập trung tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng dựa vào khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đồng thời tận dụng các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng) và mới (kết nối vùng, chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức) để phát triển kinh tế xanh, nhanh, bản sắc, bền vững. Tăng cường quản lý quy hoạch và tập trung, rà soát điều chỉnh quy hoạch tỉnh cho phù hợp với đơn vị hành chính sau sáp nhập.

Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa theo hướng nâng cao năng suất, giá trị gia tăng và sử dụng tiết kiệm tài nguyên, thân thiện môi trường. Tập trung nâng cao hiệu quả công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư lấp đầy các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp có lợi thế, công nghiệp phụ trợ, hỗ trợ: Điện - điện tử - bán dẫn, chế biến, cơ khí - luyện kim, chế biến nông, lâm sản, chế biến khoáng sản, ngành may mặc... Đề xuất Trung ương sớm ban hành các đề án liên kết sản xuất điện, điện tử, cơ khí cao tại Thái Nguyên và vùng, cũng như đề án liên kết doanh nghiệp nội địa và FDI nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm công nghiệp. Hình thành và phát triển các doanh nghiệp lớn trong ngành xây dựng, với năng lực thiết kế, thi công công trình quy mô lớn, công nghệ cao.

Tiếp tục tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng an toàn sinh học, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số, gắn với du lịch nông nghiệp (sinh thái, trải nghiệm, cộng đồng) và gia tăng giá trị sản phẩm. Xây dựng thương hiệu và chuỗi giá trị cho các sản phẩm chủ lực (trà, dược liệu, nông sản chất lượng cao). Phấn đấu nâng tổng giá trị sản phẩm thu được từ cây chè lên 25.000 tỷ đồng (năm 2030). Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi công nghệ cao, quy mô lớn, liên kết theo chuỗi sản xuất an toàn. Tiếp tục quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững: mở rộng diện tích rừng gỗ lớn, đẩy mạnh dịch vụ hấp thụ carbon và phát triển thị trường tín chỉ carbon rừng.

Phát triển nông thôn, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng “*nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*”. Huy động đa dạng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vào nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng nông thôn mới gắn với quá trình đô thị hóa, kết hợp giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của từng vùng, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới gắn với chỉnh trang khu vực nông thôn, góp phần nâng cao chất lượng, môi trường sống nông thôn.

Thúc đẩy tăng trưởng thương mại, dịch vụ nhanh và bền vững. Xây dựng Thái Nguyên thành trung tâm thương mại vùng, giao thương cho toàn vùng trung du, miền núi phía Bắc. Hình thành hệ thống phân phối hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối) kết hợp với các kênh thương mại điện tử, thanh toán số. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại, hội chợ quốc tế để quảng bá sản phẩm, đặc biệt sản phẩm văn hóa - du lịch. Xây dựng một trung tâm triển lãm - chợ vùng Việt Bắc; mở rộng các chợ đầu mối theo quy hoạch. Thu hút đầu tư phát triển dịch vụ du lịch cao cấp (khu nghỉ dưỡng, khu phức hợp, sân golf) dựa trên thế mạnh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải

nghiệm, tâm linh (Hồ Núi Cốc, Hồ Ba Bể, Tam Đảo, ATK Định Hóa, ATK Chợ Đồn, Di tích Đền thờ Lý Nam Đế, các khu bảo tồn thiên nhiên...). Đầu tư phát triển du lịch nghỉ dưỡng; số hóa ngành du lịch, xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch và truyền thông hình ảnh du lịch Thái Nguyên ra thế giới. Đẩy mạnh xuất khẩu, tận dụng tối đa cơ hội từ các FTA, mở rộng đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu.

Tăng cường kỷ luật tài chính. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành thu chi ngân sách. Huy động, sử dụng hiệu quả vốn từ ngân sách Trung ương, địa phương và các nguồn vốn khác cho các dự án hạ tầng trọng điểm. Thực hiện các giải pháp tăng thu bền vững, đa dạng hóa nguồn thu; kiểm soát chặt chẽ chi thường xuyên, tiết kiệm chi theo hướng tăng chi đầu tư phát triển. Cơ cấu lại ngân sách theo hướng tăng chi cho đầu tư và an sinh.

Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển (ngân sách địa phương, Trung ương và xã hội hóa); sử dụng vốn đầu tư công hiệu quả, ưu tiên các công trình trọng điểm, kết nối vùng, có tác động lan tỏa. Tăng cường thẩm định, kiểm tra, giám sát để bảo đảm vốn đầu tư công sử dụng đúng mục tiêu và tiến độ. Ưu tiên thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp, dịch vụ và nông sản có lợi thế (điện - điện tử - công nghệ cao - hỗ trợ; chế biến nông - lâm sản); khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư; nâng cao năng lực xúc tiến đầu tư. Phấn đấu đến năm 2030 có trên 20 nghìn doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Phát triển kinh tế tư nhân trở thành “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng (đặc biệt các ngành mũi nhọn), khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng sản xuất, đa dạng hóa thị trường, xây dựng thương hiệu. Phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, gắn kết với doanh nghiệp; khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Hình thành đồng bộ các loại thị trường, phân bổ hiệu quả nguồn lực, thúc đẩy kinh tế năng động, bền vững. Tiếp tục cơ cấu lại, nâng cao năng lực tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

2.2. Phát triển kết cấu hạ tầng bảo đảm đồng bộ, từng bước hiện đại

Phát triển hạ tầng giao thông: Tiếp tục xây dựng các công trình kết nối Thái Nguyên với các tỉnh Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng; đường Hồ Núi Cốc; hoàn thành đầu tư dự án cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - Chợ Mới, Chợ

Mới - Bắc Kạn; đầu tư xây dựng đường Vành đai V, phối hợp xây dựng cao tốc Thái Nguyên (Bắc Kạn) - Cao Bằng theo quy hoạch; đề nghị Trung ương bổ sung quy hoạch và thực hiện đầu tư cao tốc Lạng Sơn - Thái Nguyên - Tuyên Quang; quan tâm đầu tư hạ tầng giao thông để kết nối các xã, liên xã, nhất là đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Đầu tư các KCN Sông Công II giai đoạn 2, Phú Bình, Yên Bình 2&3, Thượng Đình, Thanh Bình II, Chợ Mới 1 đến 5, đô thị - dịch vụ Tây Phổ Yên, CNTT tập trung Yên Bình. Phát triển hạ tầng điện: Các trạm biến áp 500kV, 220kV, 110kV và các đường dây theo quy hoạch, hệ thống cấp điện nông thôn.

Xây dựng đô thị thông minh, bền vững: Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, bao gồm viễn thông - công nghệ thông tin; duy trì đứng tốp cao cả nước về Chính quyền số, tạo bước đột phá hạ tầng số. Triển khai các chương trình quốc gia về phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng đô thị hiện có. Hệ thống bưu chính hoàn thiện, nâng cao dịch vụ số cấp xã, xây dựng trung tâm bưu chính vùng tại Thái Nguyên.

Củng cố hạ tầng phòng, chống thiên tai - thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm đầu tư xây dựng hệ thống đê, hồ chứa nước, công trình phòng, chống lũ³². Đầu tư hệ thống cấp nước, đảm bảo 100% đô thị và 80% nông thôn có nước sạch theo quy chuẩn; bố trí hệ thống chữa cháy theo quy hoạch.

2.3. Đẩy mạnh phát triển, tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đổi mới căn bản quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, tháo gỡ các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, trọng tâm là đổi mới cơ chế tài chính, cơ chế tự chủ, tạo thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng cường đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ, nhất là các công nghệ mũi nhọn, hạ tầng số, cơ sở dữ liệu lớn. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, khu vực tư nhân tham gia đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trong đó doanh nghiệp là trung tâm, viện nghiên cứu và trường đại học là chủ thể nghiên cứu mạnh, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo. Thúc đẩy liên kết với hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, ngành, vùng, khu vực.

³² Xây đê sông Cầu, đê Mo Linh, đê bao Kim Sơn, kè chống sạt lở sông Cầu, tràn Thác Huống 2, xây hồ Nghinh Tường; công trình thoát lũ hạ du Núi Cốc; chống bồi lắng hồ Ba Bể, sạt lở sông Năng...

Tiếp tục thực hiện các giải pháp xây dựng và phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, hình thành các doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh trên thị trường. Đẩy mạnh xây dựng hạ tầng số, phát triển Thái Nguyên thành trung tâm chuyển đổi số của vùng.

2.4. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch tài nguyên đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước; khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường; việc quy hoạch, thu hồi, giao, cho thuê, chuyển đổi mục đích đất phải đúng quy trình, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ dự án đầu tư. Đẩy mạnh kiểm tra, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm về môi trường. Phát triển kinh tế gắn với quy hoạch, công nghệ xanh. Nâng cao tỷ lệ thu gom - xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn. Tiếp tục thực hiện các đề án tăng cường xử lý chất thải theo quy chuẩn, giảm thiểu tác động đến cảnh quan - sức khỏe cộng đồng.

Xây dựng, củng cố hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Nâng cao khả năng dự báo, cảnh báo; tuyên truyền, tập huấn cộng đồng nâng cao ý thức phòng, chống thiên tai, cháy rừng.

3. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội

3.1. Phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả các giải pháp tại Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo gắn với tình hình thực tiễn địa phương. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh; gắn kết giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội. Quan tâm thu hút các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo, tăng cường phổ cập giáo dục, trong đó tập trung thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi, thực hiện giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở. Tăng cường hoạt động làm quen với tiếng Anh cho trẻ em mầm non; nâng cao năng lực công nghệ, trí tuệ nhân tạo và năng lực tiếng Anh ở bậc phổ thông. Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô trường, lớp, học sinh một cách hợp lý, thu gọn lại các điểm trường lẻ.

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo đầu tư, nâng cấp, mở rộng không gian phát triển của Đại học Thái Nguyên, đảm bảo vai trò Đại học Thái Nguyên là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học của vùng, đào tạo các lĩnh vực trọng điểm; đưa Thái Nguyên trở thành khu vực nghiên cứu - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phát triển nhân lực chất lượng cao cho toàn vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

Đầu tư nguồn lực, củng cố chất lượng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tập trung cho các nghề trọng điểm, các nghề mới đáp ứng nhu cầu nhân lực cho cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và xu thế phát triển mới; tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nhân lực chất lượng cao trên địa bàn. Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, kết nối cung - cầu lao động; gắn kết đào tạo với nhu cầu thị trường lao động.

3.2. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

Chú trọng và tập trung phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, nhanh, bền vững, gắn với bảo đảm an sinh xã hội; quan tâm đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ, tạo điều kiện để đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội. Tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. Tăng cường việc triển khai chương trình dạy nghề cho người trong độ tuổi lao động; hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số. Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh bảo đảm phù hợp về số lượng, quy mô, cơ cấu, loại hình cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội.

Triển khai hiệu quả các chính sách đối với người có công, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế.

3.3. Phát triển sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả các giải pháp tại Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân gắn với tình hình thực tiễn của tỉnh. Xây dựng và phát triển hệ thống y tế tỉnh Thái Nguyên theo hướng hiện đại và bền vững, phát triển đồng bộ, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế, hướng đến mục tiêu trọng tâm là nâng cao sức khỏe cộng đồng nhằm bảo đảm công bằng, hiệu quả trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; nâng cao sức khỏe người dân về thể chất, tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tử vong do bệnh, dịch bệnh.

Phát triển nhanh các dịch vụ y tế chất lượng cao, xã hội hóa đầu tư một số bệnh viện với dịch vụ chất lượng cao. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống dịch, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch bệnh, chăm lo bảo vệ sức khỏe Nhân dân, sẵn sàng ứng phó có hiệu quả với các dịch bệnh trong tương lai.

Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có phẩm chất đạo đức tốt, đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Thu hút nhân lực y tế có trình độ chuyên sâu về công tác lâu dài tại địa phương, đặc biệt là tại y tế cấp cơ sở, vùng khó khăn.

3.4. Xây dựng, phát triển văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc gắn với mục tiêu phát triển con người

Phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; xây dựng mỗi xã, phường có ít nhất một câu lạc bộ văn hoá, nghệ thuật, thể thao và duy trì hoạt động hiệu quả từ năm 2026. Phát triển văn hóa, nâng cao hiệu quả công tác gia đình bảo đảm giữ gìn bản sắc của vùng đất và con người Thái Nguyên. Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035.

Phát huy hiệu quả các giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống cách mạng; khơi dậy niềm tự hào, ý thức trách nhiệm, tinh thần tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và toàn thể Nhân dân để trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung xây dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Quan tâm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của tỉnh; ưu tiên tu bổ, tôn tạo các di tích đã xếp hạng bị xuống cấp, các di tích gắn với phát triển du lịch bền vững.

Tiếp tục xây dựng và phát triển thể dục thể thao quần chúng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường thể lực, trí lực cho Nhân dân phục vụ lao động, sản xuất, học tập, công tác; đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống phát hiện, đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng vận động viên thi đấu thể thao thành tích cao, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các môn thể thao truyền thống, thể mạnh của tỉnh, các môn có khả năng giành huy chương tại các giải vô địch quốc gia, đại hội thể thao toàn quốc, khu vực, châu lục và quốc tế.

3.5. Thực hiện tốt công tác dân tộc và tôn giáo bảo đảm bình đẳng, đoàn kết, vì sự phát triển chung của tỉnh

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo theo nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển, góp phần tăng cường gắn kết khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo vào giữ gìn và nâng cao đạo đức truyền thống xã hội, xây dựng đời sống văn hóa ở các khu dân cư, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

Thực hiện đầy đủ chính sách dân tộc, quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở ở vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; củng cố niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số đối với các cấp ủy đảng, chính quyền.

4. Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh; thực hiện tốt công tác đối ngoại

4.1. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương

Tiếp tục thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác huấn luyện, diễn tập, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh.

4.2. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự

Chủ động nắm chắc tình hình, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh làm thất bại âm mưu, ngăn chặn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực, không để xảy ra đột xuất, bất ngờ. Đẩy mạnh phòng, chống, kiểm chế sự gia tăng của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; kịp thời phát hiện, xử lý hài hòa các vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự, không để phát sinh thành “điểm nóng”. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự gắn với tiếp tục triển khai quyết liệt Đề án “*Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030*” theo Quyết định số 06/QĐ-TTg, ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, kiểm chế tai nạn và ùn tắc giao thông; nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tiếp tục xây dựng lực lượng Công an nhân dân thực sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

4.3. Triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trong tình hình mới; đẩy mạnh công tác đối ngoại gắn với phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, hiệu quả, thực chất, tăng cường thu hút nguồn lực phục vụ phát triển bền vững của địa phương. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân; đẩy mạnh thực hiện công tác ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại, đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền, quảng bá về địa phương. Tiếp tục làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với một số tỉnh, thành phố của các nước có quan hệ hợp tác với Thái Nguyên, các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư nước ngoài. Xúc tiến việc mở rộng, thiết lập quan hệ hợp tác mới giữa tỉnh Thái Nguyên với các địa phương nước ngoài có nét tương đồng với tỉnh. Tăng cường hợp tác, liên kết với các tỉnh trong Vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Thủ đô Hà Nội, các tỉnh Vùng đồng bằng sông Hồng và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 là đại hội trí tuệ, dân chủ thể hiện quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2025 - 2030, xây dựng tỉnh Thái Nguyên phát triển nhanh và bền vững.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị,
- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Các ban xây dựng Đảng của Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đồng chí đại biểu dự Đại hội,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**



Trịnh Việt Hùng

PHỤ LỤC
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU
NHIỆM KỲ 2020 - 2025 TỈNH THÁI NGUYÊN VÀ BẮC KẠN

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân: Thái Nguyên ước đạt 7,35%/năm; Bắc Kạn ước đạt 6,6%/năm, đạt mục tiêu Nghị quyết của Đại hội tỉnh đề ra.

(2) Cơ cấu kinh tế năm 2025: Thái Nguyên - Công nghiệp, xây dựng 56,5%; dịch vụ và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 34%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 9,5%. Bắc Kạn - Công nghiệp, xây dựng 17,8%; dịch vụ và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 55,9%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 26,3%;

(3) Giá trị sản xuất công nghiệp: Thái Nguyên tăng bình quân 8%/năm; Bắc Kạn tăng bình quân 10,4%/năm.

(4) Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản: Thái Nguyên tăng bình quân đạt 3,8%/năm, vượt mục tiêu nghị quyết đề ra 0,3 điểm phần trăm; Bắc Kạn tăng 4,5%/năm.

(5) Giá trị xuất khẩu trên địa bàn: Thái Nguyên tăng bình quân 4,5%/năm; Bắc Kạn tăng bình quân 32,7%/năm.

(6) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (*không bao gồm thu tiền sử dụng đất và thu từ hoạt động xổ số kiến thiết*): Thái Nguyên tăng bình quân 7,24%/năm; Bắc Kạn tăng bình quân 0,8%/năm.

(7) GRDP bình quân đầu người năm 2025 tỉnh Thái Nguyên đạt 132 triệu đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt 65 triệu đồng. GRDP bình quân đầu người năm 2025 tỉnh Bắc Kạn đạt 62,8 triệu đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt 39 triệu đồng.

(8) Năm 2025: Thái Nguyên có 95,04% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 07 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và đạt chuẩn nông thôn mới; Bắc Kạn có 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 01 thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

(9) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2025: Thái Nguyên đạt 90,04%, Bắc Kạn đạt 54,48%. Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số được học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú: Thái Nguyên đạt 8%, Bắc Kạn đạt 6,83%.

(10) Năm 2025 tỷ lệ gia đình văn hóa: Thái Nguyên đạt 95%, Bắc Kạn đạt 93%; tỷ lệ xóm, phố văn hóa Thái Nguyên đạt 98%, Bắc Kạn đạt 90,8%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa Thái Nguyên đạt 95%, Bắc Kạn đạt 88%.

(11) Tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế đến năm 2025 hai tỉnh đều đạt 100%. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế năm 2025 Thái Nguyên đạt 95,25%, Bắc Kạn đạt 98%.

(12) Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025: Thái Nguyên đạt 76,5%, Bắc Kạn đạt 55%; trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ Thái Nguyên đạt 36,8%, Bắc Kạn đạt 34%. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị năm 2025: Thái Nguyên dưới 3%, Bắc Kạn dưới 2%.

(13) Tỷ lệ hộ nghèo Thái Nguyên giảm bình quân 1,15%/năm; Bắc Kạn giảm bình quân 2,47%/năm.

(14) Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025: Thái Nguyên đạt trên 46%, Bắc Kạn đạt trên 72,9%. Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh năm 2025: Thái Nguyên đạt 98%, Bắc Kạn đạt 98,5%.

(15) Chỉ tiêu kết nạp đảng mới, bình quân hằng năm: Thái Nguyên đạt tỷ lệ 3,12%, Bắc Kạn đạt tỷ lệ 2,72% so với tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh đầu nhiệm kỳ. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Thái Nguyên đạt 96,01%, Bắc Kạn đạt trên 96,1%. Tỷ lệ đảng bộ cấp trên cơ sở xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Thái Nguyên đạt 98,33%; Bắc Kạn đạt 97,7%. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Thái Nguyên đạt 95,11%; Bắc Kạn đạt 96,4%.

II. CHI TIẾT KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NHIỆM KỲ 2020 - 2025

STT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh	Kết quả thực hiện	Đánh giá
I	TỈNH THÁI NGUYÊN			
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân	8%/năm	7,35%/năm	Không đạt
2	Cơ cấu kinh tế năm 2025: Công nghiệp, xây dựng - Dịch vụ - Nông, lâm nghiệp, thủy sản	61% - 31% - 8%	56,5% - 34% - 9,5%	Tích cực
3	Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân	9%/năm	8%/năm	Không đạt
4	Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân	3,5%/năm	3,8%/năm	Vượt mục tiêu

STT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh	Kết quả thực hiện	Đánh giá
5	Giá trị xuất khẩu trên địa bàn tăng bình quân	8,6%/năm	4,5%/năm	Không đạt
-	Trong đó, xuất khẩu địa phương tăng bình quân	11%/năm	8,6%/năm	Không đạt
6	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (<i>không bao gồm thu tiền sử dụng đất và thu từ hoạt động xổ số kiến thiết</i>) tăng bình quân	10%/năm	7,24%/năm	Không Đạt
7	GRDP bình quân đầu người năm 2025	150 triệu đồng	132 triệu đồng	Không đạt
-	Thu nhập bình quân đầu người	100 triệu đồng	65 triệu đồng	Không đạt
8	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	95%	95,04%	Vượt mục tiêu
-	Số đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	06	07	Vượt mục tiêu
9	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2025	90%	90,4%	Vượt mục tiêu
-	Tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số được học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú	8%	8%	Đạt mục tiêu
10	Tỷ lệ gia đình văn hóa	90%	95%	Vượt mục tiêu
-	Tỷ lệ xóm, phố văn hóa	80%	98%	Vượt mục tiêu
-	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	90%	95%	Vượt mục tiêu
11	Tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế (<i>theo bộ tiêu chí mới</i>) đến năm 2025	95%	100%	Vượt mục tiêu

STT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh	Kết quả thực hiện	Đánh giá
-	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế năm 2025	>98,5%	95,25%	Không đạt
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025	75%	76,5%	Vượt mục tiêu
-	Trong đó có bằng cấp, chứng chỉ	32%	36,8%	Vượt mục tiêu
-	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị năm 2025	<3%	<3%	Đạt mục tiêu
13	Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2021-2025 giảm bình quân	1%/năm	1,15%/năm	Vượt mục tiêu
14	Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025	46%	>46%	Đạt mục tiêu
-	Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh năm 2025	98%	98%	Đạt mục tiêu
15	Tỷ lệ đảng viên kết nạp hằng năm so với tổng số đảng viên của Đảng bộ tỉnh đầu nhiệm kỳ	2,5%	3,12%	Vượt mục tiêu
-	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	80%	96,01%	Vượt mục tiêu
-	Tỷ lệ đảng bộ cấp trên cơ sở xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	80%	98,33%	Vượt mục tiêu
-	Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	80%	95,11%	Vượt mục tiêu
II	TỈNH BẮC KẠN			
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân giai đoạn	6,5% - 7,0%/năm	6,6%/năm	Đạt mục tiêu
2	Tốc độ tăng trưởng Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3,5%	3,9%/năm	Vượt mục tiêu

STT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh	Kết quả thực hiện	Đánh giá
3	Tốc độ tăng trưởng Công nghiệp	12,8% - 13%	10,4%/năm	Không đạt
4	Tốc độ tăng trưởng Xây dựng	7,5%	8,0%/năm	Vượt mục tiêu
5	Tốc độ tăng trưởng Dịch vụ	7,0%	7,3%/năm	Vượt mục tiêu
6	Tỷ trọng Nông, lâm nghiệp và thủy sản	26,2%	26,3%	Đạt mục tiêu
7	Tỷ trọng Công nghiệp và Xây dựng	18,5%	17,8%	Không đạt
8	Tỷ trọng Dịch vụ	53,0%	53,170%	Đạt mục tiêu
9	Tỷ trọng Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	2,3%	2,75%	Đạt mục tiêu
10	GRDP bình quân đầu người đến năm cuối nhiệm kỳ	62,0 triệu đồng	62,8 triệu đồng	Vượt mục tiêu
11	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm cuối nhiệm kỳ	1.100 tỷ đồng	1.135 tỷ đồng	Vượt mục tiêu
12	Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước so với GRDP	5,2-5,3%	5,4%	Đạt mục tiêu
13	Sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người/năm	500 kg/năm	545 kg/năm	Vượt mục tiêu
14	Diện tích trồng rừng bình quân	3.500 ha/năm	4.776 ha/năm	Vượt mục tiêu
15	Tỷ lệ che phủ rừng	72,9%	72,9%	Đạt mục tiêu

STT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh	Kết quả thực hiện	Đánh giá
16	Xây dựng thành phố Bắc Kạn cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại II	Cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại II năm 2025	Phê duyệt QHC xây dựng; thành lập phường thuộc thành phố Bắc Kạn	Không đạt mục tiêu
17	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	56	29	Không đạt
18	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (lũy kế)	17	4	Không đạt
19	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (lũy kế)	6	0	Không đạt
20	Số thôn đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế)	174	82	Không đạt
21	Tiêu chí nông thôn mới đạt được bình quân trên 01 xã cuối nhiệm kỳ	13 tiêu chí	13,11 tiêu chí	Vượt mục tiêu
22	Số hợp tác xã thành lập mới	150	150	Đạt mục tiêu
23	Sản phẩm OCOP trở lên đạt 3 - 4 sao đến năm 2025 (lũy kế)	200	245	Vượt mục tiêu
24	Sản phẩm đạt 5 sao (lũy kế)	≥ 2	4	Vượt mục tiêu
25	Hoàn thành đường quốc lộ 3 mới từ Chợ Mới đến thành phố Bắc Kạn.	Hoàn thành	Không hoàn thành	Không đạt
26	Hoàn thành đường từ thành phố Bắc Kạn đi hồ Ba Bể	Hoàn thành	Hoàn thành	Đạt mục tiêu

STT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh	Kết quả thực hiện	Đánh giá
27	Tốc độ tăng tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ bình quân	11,5%/năm	15,0%/năm	Vượt mục tiêu
28	Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ	11.200 tỷ đồng	11.200 tỷ đồng	Đạt mục tiêu
29	Tốc độ tăng kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân	10,0%/năm	32,7%/năm	Vượt mục tiêu
30	Di sản Ba Bể - Na Hang được Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc công nhận là di sản thiên nhiên thế giới	Hoàn thành năm 2025	Chưa thực hiện	Không đạt
31	Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	98,5%	98,5%	Đạt mục tiêu
32	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh	98,5%	98,5%	Đạt mục tiêu
33	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch	50%	44,61%	Không đạt
34	Tỷ lệ rác thải tại đô thị được thu gom xử lý	$\geq 92\%$	92,8%	Đạt mục tiêu
35	Tỷ lệ rác thải nông thôn được thu gom xử lý	$\geq 40\%$	59,8%	Đạt mục tiêu
36	Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ			Đạt mục tiêu
37	Tỷ lệ tốt nghiệp THPT	$>90\%$	$>97\%$	Đạt mục tiêu
38	Số trường đạt chuẩn quốc gia tăng thêm	60	66	Vượt mục tiêu
39	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	1,0%	1,0%	Đạt mục tiêu

STT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh	Kết quả thực hiện	Đánh giá
40	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể cân nặng theo tuổi)	$\leq 17\%$	$\leq 15,0\%$	Đạt mục tiêu
41	Tỷ lệ bác sĩ/vận dân	$\geq 17\%$	17,0%	Đạt mục tiêu
42	Tỷ lệ số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã	100%	100%	Đạt mục tiêu
43	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	98,0%	98,0%	Đạt mục tiêu
44	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	$\geq 50\%$	55%	Vượt mục tiêu
45	Số lao động được tạo việc làm bình quân	6.400 người/năm	6.999 người/năm	Vượt mục tiêu
46	Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân năm	2-2,5%/năm	2,47%/năm	Đạt mục tiêu
47	Tỷ lệ giảm nghèo tại các huyện nghèo	3,5-4%/năm	3,67%/năm	Đạt mục tiêu
48	Tỷ lệ gia đình văn hóa	88%	93%	Vượt mục tiêu
49	Tỷ lệ khu dân cư văn hóa	86%	90,8%	Vượt mục tiêu
50	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có Đài truyền thanh cơ sở hoạt động tốt	100%	100%	Đạt mục tiêu
51	Tỷ lệ cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức phù hợp với vị trí việc làm	100%	100%	Đạt mục tiêu
52	Tỷ lệ cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên	100%	100%	Đạt mục tiêu
53	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh	90%	90%	Đạt mục tiêu

STT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh	Kết quả thực hiện	Đánh giá
55	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI tăng bình quân hằng năm	01 bậc	01 bậc	Đạt mục tiêu
56	Tỷ lệ tuyển quân hằng năm	100%	100%	Đạt mục tiêu
57	Tỷ lệ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh hằng năm	100%	100%	Đạt mục tiêu
58	Tổ chức diễn tập KVPT tỉnh, huyện; diễn tập chiến đấu phòng thủ xã, phường, thị trấn	100%	100%	Đạt mục tiêu
59	Chỉ tiêu động viên quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật	100%	100%	Đạt mục tiêu
60	Tỷ lệ xây dựng lực lượng dân quân tự vệ cấp tỉnh trên tổng dân số	3,5%	3,27%	Không đạt
61	Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố	$\geq 80\%$	90,89%	Vượt mục tiêu
62	Giảm tỷ lệ tội phạm về trật tự xã hội	5%	11,8%	Vượt mục tiêu
63	Giảm cả 3 tiêu chí về tai nạn giao thông	Giảm cả 3 tiêu chí	Giảm cả 3 tiêu chí	Đạt mục tiêu
64	Phấn đấu đến năm 2025, 100% cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức phù hợp với vị trí việc làm.	100%	Đạt khoảng 98%	Không đạt
65	Phấn đấu đến năm 2025, 100% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên.	100%	100%	Đạt mục tiêu

STT	Mục tiêu, chỉ tiêu	Nghị quyết Đại hội của Đảng bộ tỉnh	Kết quả thực hiện	Đánh giá
66	Phân đấu mỗi năm kết nạp từ 1.000 đảng viên trở lên	1.000 đảng viên/năm	Trung bình kết nạp 984 đảng viên/năm (98%)	Không đạt
67	Có 80% tổ chức cơ sở đảng trở lên hoàn thành tốt nhiệm vụ	$\geq 80\%$	96,1%	Vượt mục tiêu
68	Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80% trở lên	$\geq 80\%$	96,4%	Vượt mục tiêu